

Bản án số: 186/2018/HSST

Ngày: 22/8/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố NT tham gia phiên tòa: Ông **Trương Việt Dũng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 236/2018/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/QĐXXST-HS ngày 24/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/HSST-QĐ ngày 10/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc T (C) - sinh năm 1996; Trú tại: 17/4 P, phường P, thành phố NT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Cha: Bùi Ngọc M, sinh năm 1962, mẹ: Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1968;

Nhân thân: Bản án số 68A/2012/HSST ngày 5/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 26/6/2013.

Tiền sự: Không

Tiền án: (01) Bản án số 04/2015/HSST ngày 2/2/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 24/11/2015.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 12/10/2017. Có mặt tại phiên tòa

2. Hồ Xuân A (T) - sinh năm 1988; Trú tại: Thôn V, xã V, thành phố NT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Cha: Hồ Xuân Đ, sinh năm 1958, mẹ: Phan Thị Đ, sinh năm 1958;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 1/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục trong thời hạn thời hạn 24 tháng, về hành vi gây rối trật tự công cộng và trộm cắp tài sản công dân tại Cơ sở giáo dục A1 tỉnh Phú Yên thuộc Cục Quản lý trại giam do Bộ công an quản lý.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 12/10/2017 đến ngày 8/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại:**

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1997

Trú tại: Thôn P, xã P, TP. NT. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Đỗ Thị Kim C, sinh năm 2000

Trú tại: Hải T, thôn P, xã P, TP. NT. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị H (là cha mẹ ruột của chị Chi), trú tại: H, thôn P, xã P, TP. NT. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958

Trú tại: Thôn V, xã V, thành phố NT. Có mặt

2. Bà Trịnh Thu H, sinh năm 1995

Trú tại: 15 P, phường P, thành phố NT. Vắng mặt

3. Ông Hồ Xuân S

Trú tại: Thôn V, xã V, thành phố NT. Vắng mặt

*** Người làm chứng:**

1. Ông Phan Q, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn V, xã V, thành phố NT. Vắng mặt

2. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1977

Trú tại: Hẻm 20 N, phường P, thành phố NT. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 26/5/2017, Bùi Ngọc T điều khiển xe máy chở A đi đến khu bãi rong thuộc thôn P, xã P, thành phố NT, phát hiện anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Kim C đang ngồi trên xe máy hiệu Excite, biển kiểm soát 79D1-240.20 tâm sự. A và T thống nhất cướp tài sản của anh T và chị C. A lấy trong người ra 2 con dao dài khoảng 15cm đưa cho T 1 con và giữ lại 1 con. Sau đó cả hai đi tới sau lưng anh T, A nói “có bật lửa không cho mượn”, anh T trả lời “không có”. Ngay lúc này, T đến gần dùng tay phải cầm dao kê vào gáy, tay trái kẹp cổ không chế anh T, còn A kê dao vào cổ không chế Chi, đồng thời A móc vào túi quần anh T lấy được 1 chiếc điện thoại hiệu Nokia màu đen, 50.000 đồng và 1 chìa khóa xe máy. A và T bắt C mở cốp xe tìm tài sản để lấy nhưng không có. A xô C ngã rồi lên xe máy Excite, biển kiểm soát 79D1-240.20 điều khiển xe bỏ đi. Thấy vậy, T xô ngã anh T rồi điều khiển xe máy đi theo A về hướng C.

Đến khoảng 4 giờ ngày 26/6/2017, A và T điều khiển xe Excite, màu xanh, biển kiểm soát 79D1-240.20 đến nhà Hồ Phi H (C) tại Thôn V, xã V, thành phố NT để tìm người bán xe. H biết Hồ Xuân A đang tìm mua xe nên gọi điện thoại cho A đến nhà H để mua xe máy. An biết rõ chiếc xe máy do T và A phạm tội mà có và không có giấy tờ hợp pháp nhưng vì ham rẻ nên đồng ý mua với giá

4.200.000 đồng. Sau đó, A đem về sơn lại xe thành màu đỏ, trắng, vớt bỏ biển số 79D1-240.20 rồi gắn biển số 79N1-063.40 vào để sử dụng nhằm tránh bị phát hiện. Đến ngày 27/9/2017, A cho ông Phan Q mượn sử dụng thì bị tổ tuần tra công an xã V kiểm tra hành chính, phát hiện tạm giữ.

Số tiền bán xe máy Excite, biển kiểm soát 79D1-240.20, A chia cho T 930.000 đồng, T đã tiêu xài hết. Chiếc điện thoại di động Nokia cướp được của anh T, A giữ lại điện thoại để sử dụng, còn sim điện thoại 01216244008, A đưa cho T, sau đó T cho bạn gái là Trịnh Thu H sử dụng.

Quá trình điều tra, Bùi Ngọc T và Hồ Xuân A đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Đối tượng A đã bỏ trốn, hiện cơ quan điều tra chưa làm việc được với A.

Tại Biên bản định giá tài sản số 216/TCKH ngày 18/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố NT kết luận: 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha-Exciter, biển kiểm soát 79D1-240.20 trị giá 26.766.000 đồng. Tại Công văn số 82/HĐĐG ngày 2/3/2018 về việc trả lời yêu cầu định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố NT xác định, do không có đầy đủ thông tin về chủng loại, thông số kỹ thuật và các tài liệu chứng cứ có liên quan nên không có cơ sở để định giá chiếc điện thoại di động hiệu Nokia theo yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số 113//CT-VKS-NT ngày 3/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố NT đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999; Hồ Xuân A về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999.

Đối tượng A hiện đang bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đang xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Trịnh Thu H đã sử dụng số sim điện thoại 01216244008 nhưng không biết đây là tài sản do Bùi Ngọc T phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố NT giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 ; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc T mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Xuân A mức án từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu.

+ Về vật chứng: Trả lại cho anh Hồ Xuân S biển số xe máy, trả cho anh Dương Văn T 1 sim điện thoại mà các bị cáo đã chiếm giữ, theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố NT và Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT.

+ Buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét thấy việc vắng mặt của đương sự không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2]. *Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, Kiểm sát viên*: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn điều tra, truy tố là có tính khách quan và hợp pháp.

3]. *Về nội dung*: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Ngọc T khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 26/5/2017, tại khu bãi rong thuộc thôn P, xã P, thành phố NT, lợi dụng trời tối, Bùi Ngọc T và đối tượng tên A đã dùng dao không chế, dùng vũ lực đối với anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Kim C để thực hiện hành vi cướp tài sản. Bị cáo và đối tượng tên A đã cướp được của anh Dương Văn T 1 chiếc điện thoại hiệu Nokia màu đen, 50.000 đồng, 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha-Exciter, biển kiểm soát 79D1-240.20. Bị cáo Hồ Xuân A khai, biết rõ chiếc xe máy do T và A phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ nên đồng ý mua với giá 4.200.000 đồng. Sau đó, A đem về sơn lại xe thành màu đỏ, trắng, vứt bỏ biển số 79D1-240.20 rồi gắn biển số 79N1-063.40 vào để sử dụng nhằm tránh bị phát hiện

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố NT truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133; bị cáo Hồ Xuân A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Bùi Ngọc T đã sử dụng xe máy và dao nhọn là hung khí, phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để đe dọa và dùng vũ lực khiến những người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được và chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu

thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999.

Đối với Hồ Xuân A: Mặc dù A biết rõ chiếc xe máy do T và Â phạm tội mà có và không có giấy tờ hợp pháp nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua. Sau đó, A đã thay đổi màu sơn, thay đổi biển số xe nhằm tránh bị phát hiện khi sử dụng. Hành vi của Hồ Xuân A đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị tương đối lớn nên cần phải xử lý nghiêm.

Đối với các đối tượng Nguyễn Viết Â, Hồ Phi H: Tòa án nhân dân thành phố NT đã có Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu xác minh nhân thân, lai lịch và xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Viết Â về tội “Cướp tài sản” với vai trò chủ mưu (khởi xướng) và thực hành tích cực; xác minh, làm rõ ý thức chủ quan và hành vi của đối tượng tên Hồ Phi H (C), trú tại thôn V, xã V trong việc giới thiệu cho Hồ Xuân A mua chiếc xe mà Nguyễn Viết Â chiếm đoạt của người bị hại, để xem xét hành vi của H có cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với vai trò đồng phạm hay không? Nhưng đến nay vẫn chưa làm rõ được. Hội đồng xét xử đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án hình sự khác.

4]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Bùi Ngọc T có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị tòa án xét xử nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, bản thân đang có một tiền án, chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội mới nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

5]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Riêng bị cáo Hồ Xuân A chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Tại Đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt ngày 25/5/2018, người bị hại Dương Văn T và Đỗ Thị Kim C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đối với số tài sản không thu hồi được nên Hội đồng

xét xử không xem xét; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị Đ có mặt không có yêu cầu nên không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt sẽ tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với số tiền 930.000 đồng mà bị cáo Bùi Ngọc T được chia khi bán chiếc xe máy hiệu Excite, biển kiểm soát 79D1-240.20 cướp được của anh Dương Đình T. Xét đây là số tiền thu lợi bất chính nên căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Hội đồng xét xử quyết định truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước.

6]. *Về vật chứng vụ án:*

- Đối với chiếc xe máy Excite, biển kiểm soát 79D1-240.20 đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Các vật chứng gồm: 01 biển số xe máy 79N1-06340, 01 sim điện thoại có số thuê bao 01216244008 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

7]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* *Tuyên bố:* Bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản”; bị cáo Hồ Xuân A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 đối với Bùi Ngọc T;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc T 8 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, 12/10/2017

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 đối với Hồ Xuân A;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Xuân A 6 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời hạn tạm giam từ ngày 12/10/2017 đến ngày 8/12/2017 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu.

* Truy thu của Bùi Ngọc T số tiền 930.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

* *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe máy 79N1-06340, 01 sim điện thoại có số thuê bao 01216244008;

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố NT và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố NT

* *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáo Bùi Ngọc T phải nộp 200.000 đồng, bị cáo Hồ Xuân A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

* Nơi nhận:

- VKSND thành phố NT
- Công an TP. NT
- THADS thành phố NT
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lệ